TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2022/DS-ST
Ngày 15 – 4 – 2022
V/v: Kiện đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Tạc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà H'Michan Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 298/2021/TLST-DS ngày 22/6/2021 về việc "Kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-DS ngày 16/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-DS ngày 09/3/2022, số 62a/2022/QĐST-DS ngày 29/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Tuấn N, sinh năm 1979

Địa chỉ: Phòng A, tòa T, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số S, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh X, sinh năm 1998

Địa chỉ: Số Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:

Vào khoảng tháng 11/2020 ông Trần Tuấn N có đi du lịch và có đặt tour của bà Trần Thị Thanh X trên mạng xã hội Facebook. Do ông N nhận thấy giá cả của bà X hợp lí, dịch vụ tốt nên ông N nảy sinh ý định hợp tác với bà X để tổ chức các tour du lịch cho những đoàn muốn đi du lịch.

Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến tháng 01/2021 ông N đã hợp tác với bà X và tổ chức thành công khoảng 20 tuor du lịch cho các đoàn khác nhau. Nội dung việc hợp tác là ông N sẽ nhận đặt tour du lịch của người quen, bạn bè rồi đặt lại cho bà X để thực hiện tour. ông N sẽ nhắn tin cho bà X qua mạng xã hội Zalo, Facebook, messenger thông tin về số người đi, địa điểm du lịch và chuyển khoản tiền cho bà X.

Tuy nhiên, từ tháng 02/2021 đến tháng 3/2021 ông N đã nhiều lần chuyển tiền qua tài khoản cho bà X, để bà X thực hiện tour đặt vé máy bay, đặt phòng khách sạn cho khách, bà X đã nhận đủ tiền nhưng không thực hiện mà đưa ra nhiều lý do khác như hàng không hủy vé, dịch bệnh covid…. Dẫn đến các khách hàng đi tour liên tục than phiền với ông N ra sân bay nhưng chưa được đặt vé, đến khách sạn nhưng chưa đặt phòng…. Do bà X không thực hiện đúng thỏa thuận nên ông N liên hệ với bà X để dừng hợp tác. Lúc này ông N đã chuyển cho bà X tổng số tiền là 1.587.853.000đ cho 32 đoàn khách đặt đi du lịch từ 16/03/2021. ông N yêu cầu hủy 32 đoàn trên và nhận lại số tiền đã chuyển, bà X đồng ý và hứa sẽ trả sớm số tiền trên. Ngoài ra trong khoảng thời gian hợp tác đặt cọc các tuor du lịch bà X còn vay ông N số tiền là 300.000.000đ.

Sau nhiều lần bà X hứa hẹn trả nhưng không trả tiền cho ông N. Vào ngày 05/5/2021 bà X gặp ông N và hai bên đã thống nhất lập giấy nhận nợ có nội dung bà Trần Thị Thanh X có nợ ông Trần Tuấn N số tiền 1.887.853.000đ và hẹn trả cho ông N sớm nhất vào ngày 30/5/2021, trong khoảng thời gian tới 30/5/2021 sẽ gửi dần cho ông N. Tuy nhiên, cho đến nay mặc dù ông N đã nhiều lần đòi nhưng bà X vẫn chưa trả cho ông N được khoản tiền nào.

Nay ông Trần Tuấn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Thanh X phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Tuấn N số tiền 1.887.853.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn bà Trần Thị Thanh X trình bày:

Tôi làm công việc tự do liên quan đến sản phẩm, dịch vụ, du lịch, các gói combo du lịch. Vì vậy tôi thường đăng thông tin về gói dịch vụ du lịch trên mạng xã hội facebook. Nên đầu tháng 11/2020 anh Trần Tuấn N đã liên lạc và đặt combo du lịch Phú Quốc cho gia đình anh N. Với phương thức: Anh N sẽ cung cấp cho tôi thông tin nơi cần đến du lịch, số lượng khách là bao nhiêu. Còn tôi là người đặt vé máy bay, đặt phòng khách sạn, đặt trước các dịch vụ kèm theo và thông báo số tiền cho anh Ngọc.

Sau đó, từ khoảng tháng 11/2020 anh N đã đặt tiếp cho nhiều đoàn khác cho khách của anh N đi du lịch, có nhiều đoàn khách đã đi rồi, đến tháng 3/2021 thì còn 32 đoàn khách khác chưa đi. anh N đã chuyển khoản cho tôi toàn bộ số tiền tôi thông báo. Trong quá trình thực hiện công việc, do các tour của khách hàng gặp trục trặc nên phải đền bù, hoàn lại tiền cho khách, gồm các đoàn đã đi và 32 đoàn chưa đi. Tổng số tiền tôi nợ ông N là 1.887.853.000 đồng. ông N phải có trách nhiệm hoàn lại số tiền trên cho khách giúp tôi, còn tôi là người có trách nhiệm hoàn tiền lại cho ông N. Ngày 05/5/2021, do bị ông N thuê người ném chai thủy tinh vào nhà nên tôi đã

thỏa thuận với ông N và có viết một giấy xác nhận nợ, cam kết sẽ trả cho ông N số tiền trên sớm nhất vào ngày 30/5/2021.

Tôi xác định giấy có nội dung tôi nợ của ông N số tiền 1.887.853.000 đồng, ghi ngày 05/5/2021 mà ông N cung cấp cho Tòa án là do tôi viết và ký. Tuy nhiên, do tình hình dịch COVID nên tôi gặp nhiều khó khăn trong công việc vì vậy tôi chưa trả cho ông N được một khoản tiền nào.

Nay tôi xác định tôi nợ của ông N tổng số tiền 1.887.853.000 đồng. Tôi xin được trả dần số tiền trên làm nhiều lần, cụ thể như thế nào tôi sẽ thỏa thuận với ông N tại buổi hòa giải. Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ, hòa giải, giao thông báo thụ lý theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 48; 97; 102; 106; 170; 171; 175; 177; 220 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70; 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70; 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 166 Bộ Luật Dân sự; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Tuấn N. Buộc bà Trần Thị Thanh X có trách nhiệm phải trả cho ông Trần Tuấn N số tiền là 1.887.853.000 đồng.

Về án phí: Buộc bà Trần Thị Thanh X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có trách nhiệm trả lại số tiền 1.887.853.000đ, đây là việc "Đòi tài sản"; bị đơn cư trú tại TP. Buôn Ma Thuột. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự, quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn vắng mặt không tham gia hòa giải, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà bị đơn vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- Nguyên đơn ông N xác định đã hợp tác với bị đơn bà X là ông N nhận đặt tour du lịch của người quen, bạn bè rồi đặt lại cho bà X để thực hiện tour. Từ tháng 02/2021 đến 3/2021 ông N nhiều lần chuyển tiền qua tài khoản cho bà X, để bà X thực hiện tour đặt vé máy bay, phòng khách sạn cho khách, bà X nhận đủ tiền nhưng không thực hiện mà đưa ra nhiều lý do như hàng không hủy vé, dịch bệnh covid…. Dẫn đến khách hàng đi tour than phiền khi ra sân bay chưa được đặt vé, đến khách sạn chưa đặt phòng… Lúc này ông N đã chuyển cho bà X tổng số tiền là 1.587.853.000đ cho 32 đoàn khách đặt đi du lịch từ 16/03/2021. ông N yêu cầu hủy 32 đoàn trên và nhận lại số tiền đã chuyển, bà X đồng ý và hứa trả sớm số tiền trên. Ngoài ra trong khoảng thời gian hợp tác bà X còn vay ông N số tiền là 300.000.000đ. Nhiều lần bà X hứa hẹn trả nhưng không trả tiền cho ông N. Ngày 05/5/2021 bà X gặp ông N và hai bên đã thống nhất lập giấy nhận nợ có nội dung bà Trần Thị Thanh X có nợ ông Trần Tuấn N số tiền 1.887.853.000đ và hẹn trả sớm nhất vào ngày 30/5/2021, trong khoảng thời gian tới 30/5/2021 sẽ gửi dần cho ông N. Tuy nhiên, cho đến nay ông N nhiều lần đòi nhưng bà X chưa trả được khoản tiền nào. Nay ông Trần Tuấn N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Thanh X phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Tuấn N số tiền 1.887.853.000đ, không yêu cầu tính lãi suất.

- Bị đơn bà Trần Thị Thanh X thừa nhận từ khoảng tháng 11/2020 ông Trần Tuấn N đã đặt nhiều đoàn cho khách của ông N đi du lịch, nhiều đoàn khách đã đi, đến tháng 3/2021 còn 32 đoàn khách chưa đi. ông N đã chuyển khoản cho bà X toàn bộ số tiền bà thông báo. Trong quá trình thực hiện công việc, do các tour của khách hàng gặp trục trặc nên phải đền bù, hoàn lại tiền cho khách, gồm các đoàn đã đi và 32 đoàn chưa đi. Tổng số tiền bà X nợ ông N là 1.887.853.000đ. ông N phải có trách nhiệm hoàn lại số tiền trên cho khách giúp bà, còn bà là người có trách nhiệm hoàn tiền lại cho ông N. Bà Trần Thị Thanh X xác định nợ của ông N tổng số tiền 1.887.853.000 đồng, xin được trả dần số tiền trên làm nhiều lần, cụ thể như thế nào sẽ thỏa thuận với ông N tại buổi hòa giải.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn và bị đơn đều xác định giữa hai bên có hợp tác trong việc ông Trần Tuấn N đặt bà Trần Thị Thanh X tổ chức cho nhiều đoàn khách của ông N đi du lịch, nhiều đoàn khách đã đi, đến tháng 3/2021 còn 32 đoàn khách chưa đi. Hai bên đã dừng hợp tác và xác định tổng số tiền bà Trần Thị Thanh X còn nợ ông Trần Tuấn N là 1.887.853.000đ. Ngày 05/5/2021 hai bên đã lập giấy nhận nợ có nội dung bà Trần Thị Thanh X có nợ ông Trần Tuấn N số tiền 1.887.853.000đ và hẹn trả cho ông N sớm nhất vào ngày 30/5/2021, trong khoảng thời gian tới 30/5/2021 sẽ gửi dần cho ông N. Tuy nhiên, cho đến nay bà X chưa trả cho ông N được khoản tiền nào là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo như cam kết.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Tuấn N là có căn cứ cần chấp nhận. Buộc bị đơn bà Trần Thị Thanh X có trách nhiệm phải trả cho ông Trần Tuấn N số tiền 1.887.853.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Trần Thị Thanh X phải chịu án phí là 68. 635.000đ (làm tròn).

Nguyên đơn ông Trần Tuấn N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 166 Bộ Luật Dân sự;

Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Tuấn N.

Buộc bà Trần Thị Thanh X có trách nhiệm phải trả cho ông Trần Tuấn N số tiền là 1.887.853.000 đồng *(Một tỷ tám trăm tám mươi bảy triệu tám trăm năm mươi ba ngàn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí:

- Buộc bà Trần Thị Thanh X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 68. 635.000đ *(Sáu mươi tám triệu sáu trăm ba mươi năm ngàn)*.

Hoàn trả cho ông Trần Tuấn N số tiền tạm ứng án phí 34.318.000đ *(Ba mươi tư triệu ba trăm mười tám ngàn đồng)* mà ông Trần Tuấn N đã nộp (ÔngNguyễn Văn K nộp thay) theo biên lai số: 60AA/2021/0004226 ngày 14/6/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT; Tỉnh;
- Chi cục THADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Đại Minh